

Quốc Hận 30-4, Thương Tiếc Những Nữ Anh Thư Tử Chiến với Giặc Thù Cộng sản

Phạm Phong Dinh

Chị Thành đã chọn một cái chết thật dũng cảm và cao cả. Ôm hai đứa con vào lòng, chị Thành bình tĩnh chờ cho những tên Việt cộng nhào vào, chị rút chốt.

NHỮNG NGƯỜI VỢ LÍNH THỜI LỬA BINH

Trong cuộc chiến tranh bảo quốc chống ngăn cơn sóng đỏ của cộng sản quốc tế với đạo quân tay sai tiên kích của chúng là binh đội cộng sản Bắc Việt và Việt cộng miền Nam, khuôn mặt của những người vợ lính dường như đã rất mờ nhạt đằng sau chất muối trắng đẫm đầy trên lưng áo của những người lính Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Nhưng chiến tranh càng nặng độ thì hình ảnh những người chị vô danh ấy đã dần hiện rõ trong một ánh sáng diệu kỳ, mà chúng ta chỉ có thể cúi người thật sâu xuống để tôn vinh và ngợi ca. Đó là những người lính không có vũ khí, không số quân, không tiền lương, không cả lương thực hành quân, nhưng là những người lính tỏa hào quang chói sáng nhất trong những hoàn cảnh nghiệt ngã thất ngạt nhất, mà đã góp phần đem chiến thắng quyết định trên chiến trường.

Đó là NHỮNG NGƯỜI VỢ LÍNH, những người chị cao cả mà đã cùng chồng dẫn mình trong cơn bão lửa của chiến tranh, cùng chia sẻ cái chết, có khi các chị hy sinh trước cả các anh. Những cái chết anh dũng trong âm thầm đó nào ai biết được. Không có Lá Quốc Kỳ Vàng Ba Sọc Đỏ phủ trên chiếc quan tài được ghép thành từ những mảnh ván đơn sơ, không có chiếc huy chương Anh Dũng Bội Tinh Với Nhành Dương Liễu, không cả tiếng kèn truy điệu ai oán.

Những người lính đóng đồn cùng vợ con của các anh cùng sống chui rúc trong những cái hầm tối tăm ngột ngạt, dưới những những cái hồ nhỏ ngập đầy nước. Những người lính nghèo nàn, rách rưới và tội nghiệp co ro ôm súng gác giặc và đánh giặc trong cái lạnh xé thịt của đêm. Ăn uống thì đạm bạc đến không có gì đạm bạc hơn được nữa. Một cái nồi cơm méo mó, với vài con cá nhỏ kho trong chất nước mắm hạng bét mặn chát những muối, một đĩa rau muống ruộng hay rau đắng xơ xác, mà có thể tìm thấy mọc đầy khắp những vũng nước đọng trên những cánh đồng lầy.

Cả gia đình người lính Địa Phương Quân hay Nghĩa Quân quây quần chung quanh mâm cơm đơn sơ đó chấp nhận sự thua thiệt của mình. Không than thở, không ta thán và vui lòng với niềm hạnh phúc mong manh của mình. Một năm 365 ngày, mười năm, hai mươi năm, cho đến ngày cuối cùng của cuộc chiến, hơn bảy ngàn đêm những người chị ấy chưa từng bao giờ biết ngủ yên giấc là gì. Chị thao thức đến nửa khuya, lắng nghe tiếng đại bác vọng ì ầm về thành phố từ phía mặt trận có anh ở đó, chị thôn thức nguyện cầu cho anh được bình yên, để anh có một ngày được về với chị và con, dù chỉ là những khoảnh khắc về phép thật quá hiếm hoi. Hay nếu chị cùng chồng trấn thủ lưu đồn, anh chiến đấu cơ cực như thế nào, anh ăn ngủ chấp chờn ra sao, thì chị cũng cơ cực và chấp chờn ngần ấy.

CHỊ PHẠM THỊ THÀNG, NỮ ANH THƯ ĐẤT GÒ CÔNG

Người vợ lính ở tiền đồn cáng đáng cùng một lúc hai công việc, mà công việc nào cũng biểu hiện hình ảnh và đức tính cao quý của người phụ nữ Việt Nam. Thứ nhất, đức tính đảm đang tận tụy của người vợ, người đàn bà Việt Nam quán xuyến chuyện gia đình, trông nom dạy dỗ con cái và nấu nướng những bữa ăn.

Thứ hai, khi quân giặc đã thấy đầy đầy ngoài những vòng rào kẽm gai, thì những người nữ chiến sĩ chưa từng một ngày được huấn luyện ở quân trường ấy đã chiến đấu như bất cứ người lính chuyên nghiệp nào. Chị cũng biết dùng máy truyền tin gọi Pháo Binh, chị biết sử dụng thành thạo mọi loại súng trong đồn có, chị ném lựu đạn ác liệt và chính xác, tâm thân nhỏ bé của chị oằn nặng dưới những thùng đạn tiếp tế. Và chị cũng sẵn sàng nằm gói thân thiên thu trong chiếc poncho, để tên chị vĩnh viễn đi vào lịch sử. Chúng ta có nhiều người chị như vậy lắm. Ở ngay tại đồn Giồng Đình này thì ít nhất cũng có những chị Phạm Thị Thàng và Trần Thị Tâm.

Đêm 2.10.1965, với âm mưu làm xáo trộn hệ thống tiếp viện của những đơn vị diện địa trong khu vực Tiền Giang để dễ dàng thanh toán mục tiêu chính nào đó, chỉ trong một đêm Việt cộng đã tổ chức tấn công 11 vị trí của quân ta với quân số thật lớn. Đồn Giồng Đình thuộc tỉnh Gò Công cũng bị áp lực rất nặng của quân địch khi hứng chịu cuộc cường kích của 300 lính cộng.

Đây là một lực lượng chính qui Việt cộng với hỏa lực rất mạnh, chúng quyết tâm hủy diệt đồn Giồng Đình nhỏ bé, mà chỉ có vòn vẹn một Trung Đội Nghĩa Quân 24 tay súng trấn giữ. Là những con ác quỷ hung tợn và thâm độc, lực lượng cộng quân đã bố trí ở hướng có nhiều nhà dân chúng, vừa làm bia đỡ đạn cho chúng, vừa ngoác miệng tuyên truyền gây căm thù nếu quân ta bắn trả. *Người dân, nhất là những ông bà lão già, đàn bà và trẻ con luôn luôn là*

những cái bia sống đỡ đạn cho bọn giặc hèn nhát gọi là những "người giải phóng". Với quân số ấy, vũ khí hùng hậu ấy mà chúng cũng ngán ngại 24 chiến sĩ Nghĩa Quân Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đến nỗi phải cạy nhờ đến máu thịt của đồng bào để có cơ may thủ thắng, thì còn từ ngữ nào, hình dung từ tòi tệ nhất nào để diễn tả bộ mặt cùng hung cực ác rất đốn mạt của cộng sản nữa không.

Đúng 2 giờ đêm, quân cộng dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Thượng Úy Sáu Bích, đã mở cuộc tấn công từ hai mặt đánh vào Giồng Đình, với sự tin tưởng điên rồ, rằng chúng sẽ thanh toán cái tiền đồn nhỏ xíu này trong một thời gian ngắn. Chiến thắng dường như là chắc chắn, vì với quân số mười lần hơn, mười đề một, dẫu chúng có thí chín tên thì cũng có thể hạ gục được một chiến sĩ Nghĩa Quân Giồng Đình.

Trên lý thuyết, thì giả thiết đó dường như đúng. Nhưng trên trận địa, người lính Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa luôn luôn thể hiện những chuyện phi thường, mà rất hằng hiện hữu trên bất kỳ chiến trường nào, quả thật cộng quân đã chọn làm mục tiêu. Sau ba đợt tấn công hung bạo, tường gạch đá cũng phải nát thành tro, đã chiếm được 2 trong số 3 lô cốt trong đồn, cộng quân vẫn phải rút trở ra. Cuộc tấn công lần thứ tư được hồi hả tổ chức và thực hiện, với quyết tâm san bằng Giồng Đình. Nhưng liệu 24 chiến sĩ Nghĩa Quân có cho phép điều đó không. Câu trả lời là không, không chỉ đến từ ý chí hùng hực tử thủ của các anh, mà còn là từ đôi bàn tay yếu mềm của những người vợ lính đang sống cùng với chồng con của các chị trong đồn. Phải, cuộc chiến thắng cuối cùng của Nghĩa Quân đồn Giồng Đình sẽ không thể thực hiện được, nếu không có sự góp sức chiến đấu của những người chị này. Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh. Không phải chỉ những người chị dũng cảm ấy không thôi, mà cả trẻ con cũng đánh.

Đồn Giồng Đình nằm ở một vùng thôn ấp hẻo lánh trong tỉnh Gò Công, do một Trung Đội Nghĩa Quân trấn giữ, với thành phần chỉ huy gồm có anh Nguyễn Văn Thi, Đồn Trưởng, anh Lê Văn Hùng, Đồn Phó và anh Lê Văn Mẫn, âm thoai viên. Trấn thủ một vị trí hung hiểm như vậy, không chỉ có 24 tay súng mà đã đủ, nên tất cả những người vợ lính trong đồn đều đã được chồng huấn luyện sử dụng thành thạo những loại máy móc truyền tin và vũ khí. Như vậy số tay súng đã được nhân lên gấp đôi.

Trong nhiều trường hợp, đến những giây phút tử sinh tuyệt vọng nhất, những em bé cũng tham chiến, khi các em gan dạ bò dưới lưới đạn của giặc để đem tiếp tế đến cho cha và mẹ. Không ai buộc những người vợ lính, con lính cầm súng đánh địch. Nhưng chính những người vợ lính, con lính ấy làm sao có thể ẩn náu tìm cái sống trong khi chồng và cha của họ sắp ngã gục ngoài chiến hào.

Khi chấm dứt đợt tấn công thứ ba, địch tạm rút để tái tổ chức tấn công, thì tình

trạng bên trong đồn Giồng Đình đã khá là bi đát. Đã có đến 16 chiến sĩ Nghĩa Quân bị thương, chỉ còn 8 Nghĩa Quân còn chiến đấu được. Âm thoại viên Lê Văn Mẫn bị thương ở đầu trong lúc anh đang cố gắng gọi máy về Tiểu Khu.

Anh Mẫn gục xuống buồng chiếc ống liên hợp. Chị Trần Thị Tâm, vợ anh Mẫn vội đặt con bên cạnh anh và chộp lấy ống liên hợp. Liên lạc được tiếp nối, chị Tâm nghiêm nhiên trở thành một âm thoại viên, và là cứu tinh của đồn Giồng Đình. Ở một góc đồn, anh Lê Văn Hùng và chị Phạm Thị Thàng, vợ anh, và hai đứa con nhỏ đang phải đối đầu với một lực lượng quá đông của địch.

Nhìn ra ngoài hàng rào kẽm gai, giặc đã tràn vào đen ngòm như những con quái vật hung hãn. Anh Hùng chỉ còn trong tay cây tiểu liên Thompson và 16 trái lựu đạn, chị Thàng có một khẩu Carbine. Thật tội nghiệp cho hai đứa nhỏ, sức ép của bộc phá và súng SKZ của Việt cộng bắn vào quá gần, các em không còn khóc được nữa mà đã nằm bất động dưới chân hai vợ chồng anh Hùng. Chị Thàng thì thào:

- Chúng đang phá lô cốt chánh, để em bắn yểm trợ anh bò về giữ. Lô cốt mát là đồn mình mát, em nằm tại đây giữ máy đưa nhỏ, nếu chúng tràn vào thì... thì... em ném lựu đạn ra, có thể cầm cự đến sáng được.

Anh Hùng ngán ngừ, anh rung rung nhìn vợ con, rồi nhìn về phía lô cốt. Tiếng súng từ lô cốt cuối cùng đã yếu ớt lảm, có lẽ mấy Nghĩa Quân cố thủ ở đó đã kiệt quệ quá rồi. Số phận của anh Thi Đồn Trưởng thế nào. Anh Hùng lắc đầu không dám nghĩ đến chuyện xấu nhất đã xảy ra cho đồng đội. Nhưng nếu Việt cộng chiếm được lô cốt ấy, thì coi như đánh dấu chấm hết cuộc kháng cự. Anh Hùng phải quyết định, dù quyết định đó quá đau xót, là bỏ lại vợ con, mà trong lúc quân giặc đã hò hét ngay sát bên rồi:

- Anh chạy theo giao thông hào, em bắn yểm trợ cho anh.

Anh Hùng nhìn chị Thàng và hai đứa nhỏ lần cuối cùng. Trong lòng anh quặn lên một nỗi bi thương. Trời ơi, vợ con mình. Hai đứa nhỏ chẳng biết còn sống hay đã chết. Anh phóng mình xuống hào chạy băng băng về hướng lô cốt. Cây Carbine trên tay chị Thàng run lên, những tràng đạn rải vào những cái bóng đen đã quá gần. Anh Hùng đã bò vào được lô cốt, giữa những tiếng đạn nổ rền trời. May quá, anh Thi Đồn Trưởng vẫn nguyên vẹn. Súng SKZ của địch thụt âm âm, nhưng anh Hùng vẫn có thể nghe được từng tiếng lựu đạn nổ từ phía công sự của chị Thàng.

Nước mắt anh rơi lả chả trên nền đất. Anh đã đếm được đến con số 15, mà tiếng súng của địch vẫn nổ dồn dập ngay sát tuyến phòng thủ của chị Thàng. Anh biết giây phút định mệnh thảm thiết nhất cũng đã điếm. Chị Thàng sẽ làm gì với quả

lựu đạn thứ 16. Anh Hùng đau đớn rên lên trong lòng : *“Chỉ còn một trái lựu đạn nữa thôi, làm sao em cầm cự được đến sáng”*. Chính anh cũng không có được một giây để nghĩ tiếp cái gì sẽ xảy đến cho vợ con mình, vì dưới chân lô cốt anh tử thủ đã đông nghẹt quân giặc. Dù mọi thứ loại súng nổ chát chúa khắp đồn, anh Hùng không biết chắc là mình đã nghe được tiếng nổ của trái lựu đạn thứ 16 chưa.

Cuộc chiến đấu đã kéo dài được một tiếng đồng hồ, quân địch đã phá được lớp kẽm gai cuối cùng và sắp tràn ngập đồn Giồng Đình. Lúc đó là 3 giờ sáng rạng ngày 2.10.1965. Tình hình đã quá nguy ngập. Anh Nguyễn Văn Thi, Đồn Trưởng, quyết định thà hy sinh còn hơn là để đồn lọt vào tay địch. Anh giật lấy ống liên hợp từ tay chị Tâm và thét lớn:

- Hãy bắn lên đầu chúng tôi ! Bắn vào giữa đồn... Hai lô cốt thứ nhất và thứ hai đã thất thủ. Tụi tui ở lô cốt thứ ba. Hãy bắn lên trên đầu chúng tôi, Việt cộng đông lắm. Bắn đi... bắn...

Sau tiếng gọi thông thiết của người Đồn Trưởng, Pháo Binh Tiểu Khu Gò Công lập tức bắn vào đồn với loại đầu nổ cao. Loại đạn đặc biệt này nổ khi cách mặt đất chừng 4, 5 thước, rất hữu hiệu tiêu diệt biên người địch, quân ta núp trong lô cốt vẫn có hy vọng sống sót. Những cái bóng đen nhập nhoạng dưới ánh sáng hỏa châu văng tung tóe, tiếng kêu dẫy chết của chúng như tiếng rú của quỷ. Hàng tràng đạn nổ cao vẫn dội ùng oàng xuống đồn. Chiếc lô cốt cuối cùng vẫn đứng vững, anh Thi cùng anh Hùng từ trong những lỗ châu mai bắn tia từng tên địch. Giữa tiếng súng nổ dồn, dường như người ta nghe âm thanh rì rì của máy bay. Không Quân Việt Nam đã tới. Những chiếc A1 khu trục cơ đã xuất kích. Đền đây thì "Thượng Úy" Việt cộng Sáu Bích, tên chỉ huy trận đánh đã có thể nhận thấy rằng, cuộc tấn công đồn Giồng Đình đã đánh dấu chấm hết, với phần thắng nghiêng về phía Nghĩa Quân Việt Nam Cộng Hòa. Lúc 4 giờ 30 sáng, chiến địa hoàn toàn im tiếng súng. Quân địch đã kéo những xác chết và những tên bị thương chạy trốn vào phía bóng tối.

Khi ánh hùng đông của một ngày mới đã lên, hai Đại Đội Địa Phương Quân do chính Trung Tá Tiểu Khu Trưởng Gò Công chỉ huy đã đến và tổ chức bung quân ra lục soát. Quân cộng đã để lại trận địa 23 xác chết, ở giữa đồn có 6 xác khác nằm bên cạnh lô cốt thứ ba, nơi mà anh Đồn Trưởng Thi, Đồn Phó Hùng và chị Tâm giữ máy truyền tin đã kháng cự mãnh liệt, thà chết không hàng. Những tên Việt cộng này mang trên mình rất nhiều lựu đạn và bộc phá, chắc là chúng quyết thí mạng để phá cho bằng được ổ kháng cự cuối cùng này.

Anh Thi và anh Hùng đã bắn địch theo lối xâu chéo, nghĩa là bắn chéo góc với nhau tạo thành một xạ trường quét gọn tất cả những tên cộng nào nằm trong đó. Ngày hôm sau, một người thương dân bị Việt cộng bắt đi tải thương lên trốn về

được đã cho biết số bị thương của chúng chở đầy sáu chiếc ghe tam bản. Một lính cộng may mắn bị thương tên Dương Văn Thiệu, 18 tuổi, sống sót và bị bắt làm tù binh. Tại sao may mắn ? Vì nếu anh ta bị kéo đi theo vào bung biển, nếu không bị chết vì nhiễm trùng, bị những quân y sĩ Việt cộng cưa cắt bằng những loại cưa và đục của thợ mộc, thì cũng bị cấp chỉ huy ra lệnh mang anh đi thủ tiêu. Đó là lý do giải thích tại sao sau ngày 30.4.1975, người dân Miền Nam hiếm thấy người thương phế binh cộng sản trên đường phố.

Nhưng đối với anh Hùng, thì tất cả những gì mà Việt cộng đã trả giá cho cuộc tấn công không làm anh quan tâm. Ngay khi tiếng súng vừa chấm dứt., quân cộng đã rút đi, thì anh đã như một người điên lao mình ra chỗ chiến hào mà chị Thàng đã một mình một súng trấn giữ ở đó, với một niềm hy vọng mỏng manh, rằng đừng bao giờ trái lựu đạn thứ 16 được rút chốt. Anh Hùng bò vào khúc hào mà anh đã nuốt nước mắt chạy đi. Chị Thàng cùng hai đứa con của anh nằm chết bên cạnh ba xác Việt cộng. Anh Hùng gục xuống như thân cây chuối bị một nhát dao bén chém ngọt làm đôi. Anh biết, nếu trái lựu đạn thứ 16 nổ thì chị Thàng cũng đi vào cõi chết, vì chị Thàng sẽ không bao giờ cho phép giặc bắt chị hoặc đạn của chúng bắn vào người chị. Chị Thàng đã chọn một cái chết thật dũng cảm và cao cả. Ôm hai đứa con vào lòng, chị Thàng bình tĩnh chờ cho những tên Việt cộng nhào vào, chị rút chốt!

Tiếng nổ kinh thiên cùng với xác thịt và máu của người nữ chiến sĩ đó đã được đánh đổi với ba mạng giặc. Anh Hùng ôm xác vợ con vào lòng và gằn như ngắt xiu. Nhưng khi nhìn ra ngoài, những xác giặc thù nằm ngổn ngang khắp nơi, trong nỗi đau khổ tột cùng của mình, anh Hùng thấy trong lòng dậy lên một niềm tự hào đến nghẹn ngào. Sự hy sinh của chị Thàng đã cứu sống được tất cả những thương binh Nghĩa Quân cùng vợ con các anh, nhưng trên hết cứu sống chính sinh mạng của người chồng mà chị yêu mến. Những viên đạn Carbine và 15 trái lựu đạn của chị đã đóng góp vào sự tồn tại kỳ diệu của đồn Giồng Đình. Một người lính chuyên nghiệp và thiện chiến nhất cũng chỉ làm được đến ngần ấy. Nếu cái lô cốt thứ ba không đứng vững, thì chắc chắn tất cả sinh mạng mấy mươi người Nghĩa Quân và vợ con của đồn Giồng Đình đều sẽ chết hết.

Anh Hùng ẵm chị Thàng ra ngoài, để trông thấy những người còn sống, những người vợ lính khác đã gục đầu khóc tiếc thương chị Thàng. Những nắm mộ đất được đắp vội với ba tấm bia tang tóc. Một của chị Phạm Thị Thàng, và hai kia của cháu Lê Văn Dũng và Lê Tấn Sỹ. Ôi, những người vợ của lính trong thời lửa binh. Chị Phạm Thị Thàng, chị Trần Thị Tâm, và nhiều người chị khác trên khắp nẻo chiến trường, chị Thạch Thị Định, chị Bùi Thị Xiêu, chị Am Reng. Người lính của chúng ta, những công dân xếp hạng chót nhất trong bậc thang xã hội, nhưng là những người hứng chịu oan nghiệt trước nhất, là bức tường chắn cho sự an toàn của hậu phương phồn thịnh và hạnh phúc. Trong đời của các anh không có được một thứ ưu tiên vật chất nào cả, ngoài cái ưu tiên phải hy sinh và

chết. Có những người lính từ Miền Tây ra tận miền hỏa tuyến hay trên vùng cao nguyên sương mù Miền Trung, nhiều năm liền không có lấy được một ngày phép về thăm gia đình. Nếu anh may mắn, thật đau xót, quân thù bắn anh bị thương, thì anh mới có cái diễm phúc được nắm trong tay tờ giấy phép. Còn nếu sự gọi là may mắn đó đi xa hơn một bước, anh chết, thì anh được phép dài hạn trở về và vĩnh viễn được an nghỉ ở nơi đã sinh ra anh. Đầu năm 1972, trong một trận đánh của Sư Đoàn 3 Bộ Binh tại khu vực Cồn Tiên nằm sát phía Nam khu phi quân sự bên này bờ sông Bến Hải, một tiểu đoàn sau nhiều ngày cố gắng đã không thể chiếm được một cao điểm. Vị Tiểu Đoàn Trưởng gọi bốn người lính gốc Miền Tây lên hứa sẽ cấp mỗi anh mười ngày phép nếu các anh chiếm được ngọn đồi ấy. Bốn người tráng sĩ Kinh Kha đã nai nịt tề chỉnh, mang thật nhiều lựu đạn bỏ lên, mỗi người cầm một cây gậy ngắn dò đường. Đêm tối như mực. Hễ chột trúng cái lỗ nào là thấy lựu đạn vô cái lỗ đó, vì ở đó chính là cái miệng hàm chót của địch. Đến sáng, bốn người dũng tướng vô danh đó đã reo hò trương Cờ Vàng Việt Nam trên đỉnh cao điểm. Ôi, những ngày phép đã trở thành một ân huệ chứ không phải là một quyền lợi đương nhiên của những người lính trận.

Người vợ lính cùng chia sẻ với chồng những nỗi đắng cay thiết thòi đó, bằng tất cả sự cầm nín nhẫn nhục và vui lòng với những gì mình có. Một góc hầm tối tăm, một chiếc ghế bố cũ, vài cái nồi, chảo nhem nhuốc, những cái chén sành và những đôi đũa tre, cùng tiếng cười của lũ trẻ thơ cũng đủ làm nên thành niềm hạnh phúc vĩ đại của những người vợ lính. Chị Thành đã chết đi, anh linh của chị cùng hai cháu bé đã thăng thiên lên cõi vĩnh hằng, nhưng những người còn sống cùng thời với chị, cho mãi đến tận bây giờ và ngàn đời sau, dân tộc Việt Nam sẽ không bao giờ quên tên chị. **NGƯỜI CHỊ CAO CẢ PHẠM THỊ THÀNH**. Vì tên chị đã được trân trọng ghi chép vào những trang bi tráng nhất của lịch sử dân tộc Việt Nam chống Cộng sản quốc tế và Cộng sản Hà Nội, một lũ hung đồ diệt chủng, diệt dân tộc gớm ghiếc nhất của thế kỷ thứ 20 và của lịch sử hình thành nhân con người.

AMRENG, NGƯỜI NỮ CHIẾN SĨ CAO NGUYÊN

Quân cộng sản hành quân trên vùng cao nguyên thường khinh rẻ và húng hiếp các sắc dân Thượng rất thậm tệ. Chúng bắt trai tráng đi dân công, thậm chí cho bổ sung vào những đơn vị Thượng cộng, người làng thì bị ép buộc đóng góp lương thực, lúa gạo. Chúng dùng muối, là thứ tối cần của người dân miền cao, để đôi chác một cách rất bất lợi cho người Thượng. Người Thượng sống vất vả quanh năm, chỉ trông cậy vào những mảnh đất rừng khai phá để trồng trọt chút hoa màu hay trồng lúa rẫy, không đói đã là may lắm rồi, có còn đâu dư dả để cung phụng cho **bọn Phi Cộng**. Có nhiều trường hợp cả làng trong rừng sâu chịu

không nổi cảnh áp bức, giết chóc, đã kéo nhau ra quận hay tỉnh để xin nương náu với người Kinh.

Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đã lập Bộ Phát Triển Sắc Tộc để giải quyết những vấn đề của người thiểu số. Hàng trăm trại tiếp cư tị nạn cộng sản đã được thiết lập để đón tiếp đồng bào Thượng và giúp đỡ đồng bào tạo dựng cuộc sống mới. Đất canh tác được cấp phát vô điều kiện cho đồng bào Thượng tị nạn cộng sản. Thông thường thì mỗi gia đình thiên tai hay tị nạn đều được cấp phát 10 bao xi măng và 20 tấm tôn để cất lại một căn nhà nhỏ. Một nước nhỏ, nghèo là Việt Nam Cộng Hòa, quanh năm chiến tranh, ngân khoản thiếu thốn, mà đã cố gắng gồng gánh giúp đỡ hàng triệu người đồng bào bất hạnh của mình. Không phải “Lá lành đùm lá rách nữa”, mà là “Lá rách đùm lá nát”. Đã vậy mà thôi đâu, những làng định cư nhỏ bé và nghèo nàn ấy vừa được dựng lên chưa được bao lâu, thì Việt cộng đã tràn về đốt phá tan hoang. Những chiếc lá rách nát lại cố gắng san sẻ cho nhau những gì mình có. Dưới mắt cộng sản, thì những người dân chạy về phía chính quyền và quân đội Việt Nam Cộng Hòa xin được che chở và giúp đỡ, đều mang cái tội tày trời là “dân nguy”, là “phản động”, dù có bắn bỏ hay đốt cháy nhà cửa của họ cũng là chuyện trừng phạt đương nhiên của điều mà chúng gọi là cuộc “cách mạng giải phóng”.

Với bản chất là một lũ cướp chuyên nghiệp và man rợ, cộng sản Hà Nội hiện nay không bao giờ từ bỏ cơ hội chiếm đoạt đất đai hoang của người Thượng. Chúng chờ cho các sắc tộc Thượng khai phá rừng tạo dựng nên thành những vùng sinh sống màu mỡ trên những tỉnh cao nguyên, là chúng kiếm chuyện cướp đoạt một cách trắng trợn ngay, nại lý do đất đai thuộc về quyền quản lý của nhà nước, người dân không có quyền sở hữu. Mặt khác, chúng áp dụng hình thái thực dân, cho di chuyển dân Kinh gốc Miền Bắc vào ở trên đất mà người Thượng đã sinh sống từ ngàn năm, lấn dần, lấn dần, người Thượng kém thế phải lùi mãi vào tận rừng sâu, ở chỗ chỉ có nước độc, bệnh hoạn và đói kém. Đã thế mà cộng sản nào chịu buông tha, chúng vẫn cứ cho phép những người gọi là di dân tràn vào như vết dầu loang, để đồng bào Thượng chịu không nổi phải chạy qua đất Miền xin tị nạn. Đây là một tiến trình có chủ mưu, có sách lược để tiêu diệt dần mòn dân Thượng. Chúng ta có thể thấy ngay rằng, những người di dân Miền Bắc đã không biết rằng mình đang được rải ra làm phen dậu phòng thủ dọc theo dãy biên thù Trường Sơn, án ngữ con đường đổ xuống đồng bằng duyên hải, nếu có một đạo quân đánh sang từ đất Lào và Miền. Cũng tốt, cái phen dậu đó giống như con dao hai lưỡi, rồi cũng có một ngày những đồng bào di dân nghèo Miền Bắc đó sẽ trở thành một lực lượng mạnh có khả năng thọc sâu mũi dao vào tận tim của bọn cộng sản để tiễn chúng xuống tận đáy địa ngục.

Tức nước thì có lúc cũng phải vỡ bờ. Ngày 12.4.2004, nhiều chục ngàn dân Thượng của các sắc tộc sinh sống trong những tỉnh Kontum, Pleiku, Darlac, Phước Long, Bình Long đã kéo vào những thành phố tỉnh lỵ để hình thành một

cuộc phản kháng bất bạo động, phản đối cộng sản Hà Nội đàn áp đức tin đạo Tin Lành, chiếm đoạt đất đai và quyền sống căn bản của người Thượng. Dưới mắt cộng sản, dù chỉ là một biểu hiện phản đối nhỏ cũng đã được gán cho cái tội phản động, tội chết, chứ đừng nói gì đến những cuộc tập trung đông đảo như vậy. Hàng sư đoàn bộ binh của cộng sản đã được điều động lên phối hợp với công an đàn áp đã man cuộc tập trung. Hàng trăm đồng bào Thượng đã bị bắn chết, những người bị thương bị đem vào cô lập trong bệnh viện nhà nước, không ai có thể vào thăm viếng, kể cả những phóng viên và những nhà ngoại giao nước ngoài.

Ngày đầu xuân Tân Hợi 1971, trên miền cao nguyên của Quân Khu II, trong chiến dịch quân sự mà cộng sản gọi là Cao Điểm Tân Hợi nhằm quấy phá những tinh biên thù đã không thực hiện được. Có thể bởi hậu quả của những cuộc hành quân Tây chinh vượt biên Cửu Long của Quân Đoàn IV, Toàn Thắng của Quân Đoàn III và Bình Tây của Quân Đoàn II trong năm 1970 đã gây tổn thất nặng ở những kho tiếp tế hậu cần của cộng sản, nên chúng khó thể đủ sức mở được những mặt trận lớn như mong muốn. Đêm 31.1.1971, lúc 3 giờ sáng, một lực lượng công quân tấn công vị trí của Đại Đội 838 Địa Phương Quân tại làng Plei Kênh Săn thuộc tỉnh Pleiku..

Cuộc tấn công đã rất sớm bị thảm bại vì quân địch đã không thể ngờ rằng, có những người vợ lính cũng đã chiến đấu dũng mãnh như thế nào. Đại Đội 838 Địa Phương Quân đa số chiến sĩ là người dân tộc Thượng, là những chiến sĩ sinh ra và lớn lên ở giữa núi rừng cao nguyên, đã hun đúc các anh trở thành những con người cứng rắn như những tảng đá khổng lồ trên triền dãy Trường Sơn. Người Thượng quen sống kiếp du mục du canh, nên khi người lính Thượng Địa Phương Quân đóng đồn ở đâu thì vợ con của các anh cũng đi theo và nhanh chóng thích ứng với môi trường cùng cuộc sống mới ở nơi đó. Tuy là phụ nữ, nhưng những người đàn bà Tây nguyên dẻo dai không kém gì người đàn ông Thượng. Vai mang gùi nặng trên lưng, chân trần chai sạn vì đá cứng và gai nhọn của núi rừng, cùng hoàn cảnh sinh tồn khắc nghiệt, bất cứ một người phụ nữ Thượng nào cũng đã được thiên nhiên rèn luyện nên thành một mẫu người khỏe mạnh, rắn rỏi, nhưng vẫn giữ được những đường nét mềm mại tràn đầy mạch sống. Cho nên khi cuộc chiến đấu nổ ra, thì những người đàn bà đó đã rất nhanh chóng trở thành những người nữ binh hăng hái cầm súng đánh địch. Một trong những người chị đó là chị Ksor Amreng, vợ của Binh Nhút Kpa Dan.

Anh chị Dan và Amreng đều là người sắc tộc Djarai, sinh quán ở quận Phú Túc, tỉnh Phú Bổn. Từ sau khi thành hôn, anh Dan nhập ngũ, thì chị Amreng cũng đã theo chồng lên sinh sống trong những tiền đồn hẻo lánh ở biên giới trong quận Phú Nhơn, tỉnh Pleiku, những địa danh thật xa lạ với chị : Queng Mep, Plei Kênh Săn. Khi quân cộng sản Bắc Việt nổ súng tấn công Plei Kênh Săn, chị Amreng đã vững vàng trong tư thế phụ xạ thủ đại liên cho chồng. Khẩu đại liên

M60 nằm phía sau những lỗ châu mai nhỏ đã bị giới hạn rất nhiều khu vực tác xạ, anh Dan quyết định dời khẩu đại liên sang một vị trí khác có xạ trường rộng lớn và bao quát hơn. Trong lúc chị Amreng chạy đi chạy lại để kiêng những thùng đạn đại liên sang vị trí mới, thì có ba tên Đặc Công Việt cộng đã nhào vào đánh cận chiến với anh Dan. Anh Dan thật dũng cảm, như một con beo ở rừng xanh, bằng tay không anh đã vật lộn với chúng mà không nao núng. Chị Amreng vừa vác một thùng đạn đến, quát bảo anh Dan tránh ra xa. Hiểu ý vợ, anh Dan lăn một vòng, một trái lựu đạn M26 từ trong tay chị Amreng được ném tới. Ba tên Đặc Công chưa kịp phản ứng, thì một tiếng nổ chát chúa đã đốn gục chúng xuống ngay bên cạnh đường giao thông hào. Khẩu đại liên M60 trong tay đôi vợ chồng Dan và Amreng đã bắt đầu nổ đòn dã ngăn chặn tất cả những cuộc tấn công biên người của địch vào đồn. Anh Dan đang say mùi thuốc súng, anh đã không để ý nhiều tên Đặc Công khác đã bò vào gần khẩu đại liên để mở cuộc cận chiến lần nữa.

Nhưng chúng không biết rằng người nữ binh vóc dáng nhỏ bé với khuôn mặt hiền lành như một em bé đã rất cảnh giác. Ba trái lựu đạn M26 đã được chị quăng ra rất chính xác vào những cái bóng đen đang bò lổn nhồn. Giữa tiếng súng nổ âm âm, chị Amreng đã có thể nghe thấy tiếng kêu gào thảm thiết của những lính địch trúng phải lựu đạn của chị. Đến lúc này thì anh Kpa Dan chợt nhận ra rằng mình đã bị thương, chị Amreng lập tức trở thành xạ thủ chính, anh Dan lùi qua một bên làm xạ thủ phụ cho chị. Hào hùng không kém gì những đấng nam nhi, người nữ chiến sĩ ấy đã cùng với khẩu M60 đôn ngã hàng loạt cuộc tấn công của giặc. Sinh mạng của cái đồn nhỏ Plei Kênh Săn phần lớn trông cậy vào khẩu đại liên. Nói một cách chính xác, toàn tiền đồn cậy nhờ vào đôi bàn tay nhỏ nhắn của một cô gái mà ngày thường rất hiền hòa và ít nói này.

Khi ánh bình minh lên, giặc chấp nhận thua cuộc và đã rút đi, chiến trường đã hoàn toàn im tiếng súng, lũ chim rừng sau một đêm kinh hoàng đã ríu rít hát ca trên cành lá đón chào một ngày mới. Tin chiến thắng của Plei Kênh Săn đã bay về đến Pleiku và cái tên Ksor Amreng thật dịu dàng và thật đẹp ấy đã được người dân thành phố gọi là buồn muôn thuở này nhắc nhở nhiều. Kinh lẫn Thượng, đồng bào Pleiku đã chung góp gửi đến chị Amreng và Đại Đội 838 Địa Phương Quân nhiều tặng phẩm và tiền thưởng. Thiếu Tướng Ngô Dzu, Tư Lệnh Quân Đoàn II & Quân Khu II đã đích thân bay trực thăng đến Plei Kênh Săn trân trọng trao gắm cho người lính không số quân Amreng chiếc huy chương cao quý Anh Dũng Bội Tinh, một vinh dự hiếm có dành cho một người dân sự .

Tấm gương chiến đấu của chị Ksor Amreng là một trong nhiều tấm gương thầm lặng còn chưa được biết của những người chị trên cao nguyên trong cuộc chiến tranh bảo quốc bi tráng của dân tộc Việt Nam. Ngày nay, những thế hệ đi sau anh chị Dan và Amreng sẽ mãi nhớ rằng, dòng máu kiên cường uy vũ bất năng khuất, mà anh chị cùng những chiến sĩ Thượng, từng một thời thể hiện dưới lá

Quốc Kỳ Việt Nam Cộng Hòa và Quân Kỳ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, là một niềm kiêu hãnh sáng chói mà họ, những đồng bào Thượng đang bị kềm kẹp oan khuất dưới bàn tay sắt máu của cộng sản Bắc Việt, cũng sẽ có ngày vùng lên ném những quả lựu đạn, và bắn những tràng đại liên vào giữa mặt bọn chúng, để hủy diệt chúng, bọn vô dân tộc, vô thần đó, và cho chúng biết lòng quật khởi phi thường của người dân Nước Nam.

Phạm Phong Dinh

18/4/2013

Nguồn:http://hon-viet.co.uk/PhamPhongDinh_QuocHan30Thang4ThuongTiecNhungNuAnhThuTuChienVoiGiacCong.htm

www.vietnamvanhien.net